

Bản án số: 1123/2026/DS-PT
Ngày: 25 - 8 - 2026
V/v “Tranh chấp ranh giới bất
động sản liền kề, tranh chấp
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán:

Bà Mạc Thị Chiên

Bà Lê Thị Minh Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 và 25 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1415/2026/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề, tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2026/DS-ST ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1531/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần Hữu P**, sinh năm 1978; địa chỉ: A H, phường N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- **Bị đơn:**

1. Bà **Đặng Thị Kim T**, sinh năm 1992; (có mặt)

2. Ông **Phan Minh N**, sinh năm 1987. (có mặt)

Cùng địa chỉ: A đường C, phường T, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Đặng Thành N1**; sinh năm 1982; địa chỉ: 3 khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Ngô Thị Tuyết N2**; sinh năm 1985; địa chỉ: 3 khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

2. Ông **Đặng Thế H**; sinh năm: 1977; địa chỉ: A khu Dân cư T, khu vực T, phường C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

3. **Ngân hàng TMCP S**. Trụ sở: 266-268 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Phòng G, đường P, phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1978 – Chức vụ: Phó Phòng G; địa chỉ: 4 đường P, Khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Đặng Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Trần Hữu P trình bày:** Quyền sử dụng đất diện tích 139,5m² CLN, thửa 5142, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11333 ngày 12/8/2020 do ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn K, đăng ký chính lý sang tên cho ông đứng tên ngày 21/9/2021, có chiều ngang cạnh sau là 5m nhưng hiện nay đo đạc chỉ còn 4,5m. Trong đó, nhà của ông Đặng Thành N1 tại thửa 5275 xây dựng nhà 01 trệt, 02 lầu lấn qua phần đất của ông, theo sơ đồ đo đạc thực tế thì tầng trệt nhà của ông N1 xây dựng lấn qua đất của ông cạnh ngang sau là 0,35m; còn phần đất thửa 5143 của bà Đặng Thị Kim T lấn qua đất của ông chiều ngang cạnh sau là 0,15m.

Đối với chiều dài phần đất giáp với thửa 5142 của ông từ lộ vào trong là đường thẳng thì từ lộ vào giáp với thửa 5109; thửa 5273; thửa 5274 của những người khác (của anh em của ông Nguyễn Văn H2 nhưng ông không biết họ tên; ông H2 là người chuyển nhượng đất cho ông Đặng Thành N1). Tuy nhiên, phần đất cạnh này thì ông chỉ kiện đòi vợ chồng ông Đặng Thành N1 phải phá dỡ tường nhà của ông N1 đã xây dựng lấn qua đất ông: cạnh sau giáp thửa 6165 là 0,35m; cạnh ngoài giáp thửa 5274 là 0,3m x 5m; còn phần đất thửa 5274; thửa 5273; 5109 của các chủ sử dụng khác, ông sẽ tự thỏa thuận với các chủ đất đó, nếu có tranh chấp với các chủ đất này thì ông sẽ khởi kiện sau.

Đối với phần đất của ông giáp thửa 5143 của bà Đặng Thị Kim T, ông yêu cầu vợ chồng bà Đặng Thị Kim T, ông Phan Minh N trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa 5142 của ông cạnh ngang sau 0,1m. Hiện tại thửa đất của ông không có xây dựng công trình gì trên đất.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đặng Thành N1 cho rằng:

Ông là chủ sử dụng đất thửa 5275, tờ bản đồ số 6, diện tích 74,7m² CLN thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07317 ngày 09/02/2018. Nguồn gốc đất do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H2 vào năm 2018. Đến năm 2021, vợ chồng ông đã xây dựng nhà 01 trệt, 02 lầu ở trên đất cho đến nay.

Thửa đất của ông có chiều dài một cạnh là 15m, cạnh dài còn lại là 14,9m; chiều ngang 5m giáp với thửa 5142 của ông P.

Ông thừa nhận là căn nhà của ông xây dựng có chiều dài khoảng 15,5m. Tuy nhiên, nhà ông xây dựng đến cột trụ ranh giáp đất của ông P do chủ cũ đã chuyển nhượng chỉ ranh cho ông và phần dư còn lại là xây dựng lên trên phía trước lộ.

Hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đang thế chấp để vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Nay vợ chồng ông đồng ý sẽ tự ý tháo dỡ phần vách tường phía sau lần qua đất của nguyên đơn để trả lại cho nguyên đơn: cạnh sau giáp thửa 6165 là 0,35m; cạnh ngoài giáp thửa 5274 là 0,3m. Tuy nhiên, ông xin thời hạn 01 tháng kể từ ngày hoà giải 24/3/2026 để ông thuê thợ tự tháo dỡ phần vách tường sau nhà ông.

- Bị đơn bà Đặng Thị Kim T và ông Phan Minh N trình bày:

Quyền sử dụng đất thửa 5143, tờ bản đồ số 6, diện tích 143,2m² CLN thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS08954 cấp ngày 20/3/2019 có nguồn gốc đất do bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích A, ông Huỳnh Tứ P1 vào ngày 18/7/2020, đã xác nhận đăng ký chính lý cho bà là Đặng Thị Kim T đứng tên ngày 29/7/2020.

Thửa đất của bà có cạnh ngang trước giáp lộ 5m, ngang sau 5m; chiều dài một cạnh giáp với thửa 5142 của ông P và cạnh dài còn lại giáp thửa 5107 của ông Đặng Thế H.

Hiện tại phần đất của vợ chồng bà theo đo đạc cạnh ngang sau chỉ có 4,85m, là đang bị thiếu so với giấy chứng nhận. Do vợ chồng bà không có lần qua đất của ông P nên không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông P.

Hiện nay thửa đất của vợ chồng bà chưa có xây dựng công trình, vật kiến trúc gì trên đất.

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N2 cho rằng: Bà là vợ của ông Đặng Thành N1. Bà có ý cùng ý kiến như ông N1 trình bày nêu trên.

- Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho rằng:

Quyền sử dụng đất của ông Đặng Thành N1 đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Phía ông N1 hiện tại chưa vi phạm hợp đồng. Hiện tại ông N1 cũng đã thoả thuận tự tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm trả lại cho ông P nên Ngân hàng chưa có yêu cầu khởi kiện.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 337/2026/DSST ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Hữu P.

Buộc vợ chồng bà Đặng Thị Kim T, ông Phan Minh N phải trả lại cho ông Trần Hữu P diện tích 1,5m², có chiều ngang cạnh sau là 0,1m; tại vị trí B, có các cạnh và kích thước cụ thể theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo; thuộc thửa 5142, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11333 ngày 12/8/2020, đăng ký chính lý cho ông Trần Hữu P đứng tên ngày 21/9/2021.

2. Đình chỉ giải quyết đòi yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P về việc yêu cầu ông Đặng Thành N1 phải trả lại phần diện tích lấn chiếm thuộc thửa 5142 của ông Trần Hữu P có cạnh sau giáp thửa 6165 là 0,35m; cạnh ngoài giáp thửa 5274 là 0,3m x 5m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tiền chi phí thẩm định tài sản, tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tuyên xử bị đơn bà Đặng Thị Kim T đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hữu P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Ông đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Phía bà Đặng Thị Kim T và ông Phan Minh N cho rằng diện tích đất của ông bà được sử dụng ít hơn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông, bà không đồng ý với bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày: Quyền sử dụng đất của ông Đặng Thành N1 đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Phía ông N1 hiện tại chưa vi phạm hợp đồng. Hiện tại ông N1 cũng đã thoả thuận tự tháo dỡ phần xây dựng lấn chiếm trả lại cho ông P nên Ngân hàng chưa có yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng không có kháng cáo và thống nhất với bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án cấp phúc thẩm, thẩm phán và thư ký Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Mặc dù thửa đất của bà T có diện tích theo giấy chứng nhận là 143.2m² theo đo đạc thực tế 139,3m² vẫn bị thiếu so với thực tế. Cạnh ngang sau hiện nay là 4,85m, thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là ngang 5,0m; Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bà T trả lại chiều ngang cạnh sau 0,1m, diện tích 1,5m² cho ông P là do căn cứ vào thửa 5275 của ông Đặng Thành N1. Ông N1 đồng ý tháo dỡ, di dời phần đất lấn qua của ông P nên lấy ranh từ đất ông N1 làm căn cứ. Phần đất của bà T cạnh giáp thửa 5107 và các thửa đất liền kề chưa được đo đạc, thẩm định nên nếu có tranh chấp với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác để giải quyết. Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

Phần đất đối với ông Đặng Thành N1: ông N1 đã tự tháo dỡ, trả lại phần diện tích tranh chấp cho nguyên đơn nên nguyên đơn rút yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực.

Vì những nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Giữ y bản án dân sự của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng dân sự*: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề*” Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét. Việc ủy quyền của các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Xét nội dung vụ kiện nhận thấy*:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là vợ chồng bà Đặng Thị Kim T trả lại phần diện tích đất giáp thửa 5142 của nguyên đơn theo đo đạc thực tế tại vị trí B, ngang 0,1m; thấy rằng:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 5142 của ông Trần Hữu P, thửa đất ông P nằm giữa hai thửa của bà Đặng Thị Kim T và ông Đặng Thành N1. Thửa đất ông P là thửa 5142 thể hiện có một phần cạnh ngang giáp thửa

5275 của ông Đặng Thành N1 và giáp thửa 5143 của bà Đặng Thị Kim T có chiều ngang là 5m. Theo đo đạc thực tế thì cạnh ngang đất của ông P hiện nay là 4,5m; thiếu 0,5m so với giấy chứng nhận được cấp.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của ông N1, chiều dài cạnh thửa 5275 từ lộ vào giáp thửa 5142 của ông P là 15m. Theo đo đạc thực tế hiện nay ông N1 đang sử dụng $14,85\text{m} + 0,5\text{m} = 15,35\text{m}$; dư 0,35m so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Do đó, ông N1 đã lấn qua phần đất của ông P chiều ngang cạnh sau giáp thửa 6165 là 0,35m; cạnh ngoài giáp thửa 5274 là 0,3m x 5m nên ông N1 đã tự tháo dỡ công trình, trả lại phần đất lấn chiếm cho ông P theo đúng chiều ngang cạnh giáp thửa đất của ông P. Như vậy, chiều ngang thửa 5142 của ông P sau khi ông N1 trả lại 0,35m là: $4,5\text{m} + 0,35\text{m} = 4,85\text{m}$ vẫn bị thiếu 0,15m phần giáp với thửa 5143 đất của bà T.

Nay ông P khởi kiện chỉ yêu cầu vợ chồng bà T trả lại chiều ngang 0,1m của vị trí B, là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, cần buộc bà Đặng Thị Kim T và chồng là ông Phan Minh N phải trả lại cho ông Trần Hữu P phần giáp với thửa 5142 của ông P chiều ngang cạnh sau là 0,1m; diện tích $1,5\text{m}^2$ có các cạnh và kích thước cụ thể tại vị trí B theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo là phù hợp.

Xét thửa đất của bà Đặng Thị Kim T: Thửa đất của bà T chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Bích A diện tích theo giấy chứng nhận là $143,2\text{m}^2$ theo đo đạc thực tế $139,3\text{m}^2$ vẫn bị thiếu so với thực tế. Đối với phần thửa 5143 của bà Đặng Thị Kim T theo đo đạc thực tế có cạnh ngang sau hiện nay là 4,85m, thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 15cm. (ngang 5,0m). Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bà T trả lại chiều ngang cạnh sau 0,1m, diện tích $1,5\text{m}^2$ cho ông P là do căn cứ vào thửa 5275 của ông Đặng Thành N1 lấy ranh từ lộ đo vào giáp thửa ông P làm cơ sở giải quyết. Còn phần đất của bà T cạnh giáp thửa 5107 và các thửa đất liền kề nếu có tranh chấp với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác để giải quyết. Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ.

Đối với phần ranh đất tranh chấp với ông N1: bị đơn là ông N1 đã tự tháo dỡ, trả lại phần diện tích tranh chấp cho nguyên đơn nên nguyên đơn rút yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử cần đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực.

[3] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng: 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng): do ông N1 và bà T đều có lấn ranh qua phần đất của ông P nên bị đơn ông N1 và vợ chồng bà T, ông N mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí đo

đạc, thẩm định là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông N1; vợ chồng bà T, ông N phải trả lại nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà T và ông N phải chịu 300.000 đồng án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012410 ngày 17/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp đủ.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 157, Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 245 Bộ luật Dân sự;
- Điều 166, Điều 170, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị Kim T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Hữu P.

Buộc vợ chồng bà Đặng Thị Kim T, ông Phan Minh N phải trả lại cho ông Trần Hữu P diện tích 1,5m², có chiều ngang cạnh sau là 0,1m; tại vị trí B, có các cạnh và kích thước cụ thể theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo; thuộc thửa 5142, tờ bản đồ số 6, toạ lạc tại khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS11333 ngày 12/8/2020, đăng ký chính lý cho ông Trần Hữu P đứng tên ngày 21/9/2021.

Đình chỉ giải quyết đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu P về việc yêu cầu ông Đặng Thành N1 phải trả lại phần diện tích lấn chiếm thuộc thửa 5142 của

ông Trần Hữu P có cạnh sau giáp thửa 6165 là 0,35m; cạnh ngoài giáp thửa 5274 là 0,3m x 5m.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng: 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) nên bị đơn ông N1 và vợ chồng bà T, ông N mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí đo đạc, thẩm định là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong nên ông N1; vợ chồng bà T, ông N phải trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N và bà T phải chịu 300.000 đồng. Nguyên đơn là ông Trần Hữu P được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004229 ngày 04/4/2025 tại Cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (nay là Thi hành án dân sự khu vực 3- Cần Thơ).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012410 ngày 17/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà T đã nộp đủ.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3- Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3– Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải